TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07-10-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tới,

2. Ông Hoàng Văn Đoan.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Mạnh P, sinh năm 19xx; đăng ký thường trú: Thôn P, xã T, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại Đội 28, phân trại 1, Trại giam Q, tỉnh Q1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn (chị Đào Thị T) trình bày: Chị và anh P tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng (nay là xã Tân Minh), thành phố Hải Phòng ngày 24/02/2012. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 08 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh P ham chơi, nghiện ma tuý,

không quan tâm tới gia đình vợ con và thường xuyên kiếm cớ gây sự, đánh chửi chị T. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024. Ngày 05/11/2024, anh P bị bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý và đã bị Toà án nhân dân huyện An Lão xử phạt 02 năm tù giam; hiện anh P đang chấp hành án phạt tù tại Đội 28, phân trại 01, Trại giam Quảng Ninh. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Mạnh P1, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/6/2016. Kể từ khi ly thân, các con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P hiện chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con, các con đều có nguyện vọng ở với mẹ nên khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi cả 02 con. Chị tự thoả thuận với anh P về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn (anh Nguyễn Mạnh P) trình bày:

Những nội dung chị T trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn giữa anh chị là đúng. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận, hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Chỉ đến cuối năm 2024, anh P bị bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý thì chị T mới biết anh P nghiện ma tuý từ đó xa cách và làm đơn ly hôn. Thời gian anh bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1, Công an thành phố Hải Phòng, chị T vẫn đến thăm gặp tuy nhiên sau Tết Âm lịch, anh chuyển chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh thì chị T không đến thăm gặp anh nữa; anh chị không quan tâm, liên lạc với nhau từ đó đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh P cho rằng vì anh sa vào tệ nạn nên chị T không chấp nhận và ly hôn anh nên anh không đồng ý ly hôn. Anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày. Do các cháu có nguyện vọng ở với chị T, anh P hiện đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên trường hợp phải ly hôn, anh P đồng ý để chị T trực tiếp nuôi cả 02 con. Anh P tự thoả thuận với chị T về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị T và anh P có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, một phần do anh P ham chơi, nghiện ma tuý, không quan tâm đến gia đình vợ con. Tháng 11 năm 2024, anh P bị bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý thì chị T cũng bỏ nhà ra ngoài thuê trọ, không còn sinh sống tại địa phương. Anh chị có 02 con chung như trình bày. Trường hợp anh chị ly hôn, Toà án nên giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp, vì anh P hiện đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con.

Tại phiên toà: Nguyên đơn, bị đơn đều đều vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; không ai có văn bản quan điểm thay đổi quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng;

phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; căn cứ 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh P; giao con Nguyễn Mạnh P1, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/6/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Đào Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh P; đăng ký thường trú: Thôn P, xã T, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị T và anh Nguyễn Mạnh P được xác lập từ ngày 24/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T xin ly hôn, anh P không đồng ý. Xét thấy, lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình và địa phương về tình trạng hôn nhân của anh chị, sự phù hợp đó thể hiện: Trong thời gian chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh P ham chơi, nghiện ma tuý, không quan tâm đến gia đình vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do

mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh P không đồng ý ly hôn nhưng chị T xác nhận không còn tình cảm với anh P, anh P cũng không còn giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn anh P.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Mạnh P1, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/6/2016. Kể từ khi ly thân, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; các con chung đều trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ; bản thân anh P hiện đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con; chị T và anh P đều có nguyện vọng giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Đào Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh P.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Mạnh P1, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/6/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000355 ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7 - Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Chấn Hưng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 17/2012);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang